

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính,
cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

*Chính phủ ban hành Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ
tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn
hóa, Thể thao và Du lịch.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh

Việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Điều 3. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Quy định về mẫu đơn, tờ khai của thủ tục hành chính theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này;

b) Trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027;

c) Công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính;

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản

quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Các quy định về phân cấp tại Phụ lục I có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Các quy định về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Mục 2 Phụ lục II có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

3. Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hóa thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận, phù hợp với thời điểm áp dụng của từng quy định theo Điều 5 Nghị quyết này.

2. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì dừng việc giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



Phụ lục I

PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

I. Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (02 TTHC)

Việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan được quy định tại Điều 5, Điều 96 và khoản 2, khoản 6 Điều 99 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là Nghị định số 17/2023/NĐ-CP) (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 29 và các khoản 2, 4 Điều 34 Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan được thực hiện như sau:

1. Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở hoạt động. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan Mẫu số 01 tại Phụ lục này;

b) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế và chỉ được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu tại điểm này trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác;

c) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Mẫu Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 02 tại Phụ lục này.

3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận tổ chức giám định: Giấy chứng nhận tổ chức giám định có hiệu lực kể từ ngày cấp.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định:

a) Chỉ cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

b) Tổ chức giám định có yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 01 tại Phụ lục này;

- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức, trong trường hợp có sự thay đổi so với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã được cấp; trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử;

- Giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi thông tin, trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin;

- Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp bị hư hỏng hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp trong trường hợp có thay đổi thông tin.

c) Thời hạn cấp lại là 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.

5. Cơ quan đã cấp, cấp lại có quyền thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định đối với một trong các trường hợp sau đây:



a) Tổ chức giám định không còn đáp ứng các quy định tại Điều 95 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

b) Tổ chức giám định có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng cứ khẳng định Giấy chứng nhận tổ chức giám định được cấp trái với quy định của pháp luật;

d) Tổ chức giám định chấm dứt hoạt động giám định.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp, cấp lại hoặc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo đến tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách tổ chức giám định.

7. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm công bố Danh sách tổ chức giám định theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định trên trang thông tin điện tử của tổ chức này.

II. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương

Việc chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn (sau đây gọi là Nghị định số 144/2020/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

III. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương

Việc chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

IV. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Việc cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (sau đây gọi là Nghị định số 147/2024/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng).

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 03 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết;

b) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo mẫu quy định, sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu.

Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

V. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Việc gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Trình tự, thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện như sau:

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đã được cấp lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tình, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 04 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

3. Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

VI. Cấp gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Việc gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản 5, Điều 42 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Trình tự, thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng thực hiện như sau:

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được cấp lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tình, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

VII. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in

Việc cấp xác nhận đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc cấp xác nhận đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là hộ kinh doanh) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trình tự, thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in thực hiện như sau:

1. Trình tự thực hiện: Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP có hồ sơ đăng ký hoạt động in với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in để cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động in

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động in gồm: Tờ khai đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 08 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết; Sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in theo Mẫu số 09 Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết;

b) Cơ sở in nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động in trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động in đúng quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 10 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in

phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in không đúng quy định tại khoản 2 Điều này phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

VIII. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in

Việc cấp xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc cấp xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là hộ kinh doanh) được quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trình tự, thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 11 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in đúng quy định tại khoản 1, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 10 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng quy định tại Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP, Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

IX. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

Việc cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được quy định tại quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thực hiện như sau:

1. Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng. Việc cấp lại giấy phép thực hiện như sau: Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm có đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm theo Mẫu số 12 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

X. Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hoá phẩm là tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh (03 TTHC)

Việc kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đối với văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trong các trường hợp đề trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, cấp khu vực được quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thủ tục này áp dụng đối với các nhóm văn hóa phẩm sau đây:

1. Bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài không nhằm mục đích kinh doanh;

2. Bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh;

3. Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh.

XI. Thủ tục tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hoá phẩm là tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh; Thủ tục tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh (02 TTHC)

Việc tiếp nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trong các trường hợp để trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, cấp khu vực được quy định tại khoản 1 Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thủ tục này áp dụng đối với các nhóm văn hóa phẩm sau đây:

1. Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh;
2. Bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh.

XII. Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc

Việc Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (trại sáng tác điêu khắc có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài) quy định tại Điều 36 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.





Phụ lục II

CÁT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP
Ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Mục 1

CÁT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Không thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình (sau đây gọi là Nghị định số 06/2016/NĐ-CP).

II. Không thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

III. Không thực hiện thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

Việc thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam được thực hiện như sau:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) tiếp nhận thông tin Thông báo gửi bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính, nộp trực tuyến qua phương tiện điện tử hoặc gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trường hợp thay đổi thông tin liên hệ, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam thực hiện lại Thông báo thông tin liên hệ và gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

IV. Không thực hiện thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP

Việc thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam được thực hiện như sau:

Trong thời gian 60 ngày kể từ thời điểm có sử dụng dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam hoặc có tổng số lượt truy cập từ Việt Nam (total visits) thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) từ 100.000 (một trăm nghìn) lượt trở lên, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài phải thông báo thông tin liên hệ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) tiếp nhận thông tin Thông báo gửi bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc gửi thư điện tử (email) đến địa chỉ report_abei@bvhttdl.gov.vn hoặc gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gửi qua thư điện tử (email) hoặc qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

V. Không thực hiện thủ tục Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí quy định tại điểm g khoản 6 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Việc Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí được thực hiện như sau:

Các cơ quan báo chí trong vòng 10 ngày sau khi thiết lập tài khoản, trang cộng đồng, kênh nội dung, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội trong và ngoài nước có trách nhiệm Thông báo thông tin với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo quy định tại điểm g khoản 6 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) tiếp nhận thông tin Thông báo gửi bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

VI. Không thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cấp Trung ương quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

1. Việc cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí địa phương quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Việc cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí trung ương, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện.

VII. Không thực hiện thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung; thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cấp Trung ương quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

VIII. Không thực hiện thủ tục Cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

IX. Không thực hiện thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo quy định tại Điều 14, 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

X. Không thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức tại Việt Nam đưa ra nước ngoài đối với: Triển lãm do các tổ chức ở Trung ương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại; Triển lãm do tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại và thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam không vì mục đích thương mại quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.

Mục 2

CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Điều kiện đối với tổ chức biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

2. Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

3. Có văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

II. Điều kiện tổ chức cuộc thi, liên hoan quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

2. Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

3. Có văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

III. Điều kiện tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

2. Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

3. Có văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

IV. Điều kiện đối với cá nhân Việt Nam ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điều 19 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

1. Có giấy mời của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.

2. Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Không trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Phụ lục III

CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THỰC HIỆN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Danh sách các VBQPPL sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
1.	Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	- Điều 5 - Điều 96 - Khoản 2, 6 Điều 99 - Mẫu số 12, 13 của Phụ lục III	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 10 Điểm a Khoản 2 Điều 10 Khoản 1 Điều 13 Điểm a Khoản 2 Điều 13 Khoản 1 Điều 16 Điều 19	
3.	Nghị định số 06/2016/NĐ-CP	Khoản 5, 6 Điều 15 Khoản 6, 7 Điều 20	
4.	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP	Khoản 4 Điều 23 Điểm g khoản 6 Điều 24 Điểm c khoản 8 Điều 24 Điều 32 Khoản 5, Điều 42	
5.	Nghị định số 195/2013/NĐ-CP	Điều 14	
6.	Nghị định số 60/2014/NĐ-CP	Điều 14	
7.	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP	Khoản 3 Điều 13	
8.	Nghị định số 32/2012/NĐ-CP	Điều 7 Khoản 1 Điều 8 Điều 9	
9.	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP	Điều 36	
10.	Nghị định 342/2025/NĐ-CP	Điều 14 Điều 15 Điều 16 Khoản 1 Điều 19	
11.	Nghị định số 116/202026/NĐ-CP	Điều 1	





Phụ lục IV
QUY ĐỊNH VỀ MẪU ĐƠN, TỜ KHAI CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Nội dung mẫu đơn/tờ khai	Lĩnh vực
Mẫu số 01	Tờ khai yêu cầu cấp/cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan	Bản quyền tác giả
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan	Bản quyền tác giả
Mẫu số 03	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh truyền hình
Mẫu số 04	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh truyền hình
Mẫu số 05	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh truyền hình
Mẫu số 06	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ chơi điện tử G1 trên mạng	Phát thanh truyền hình
Mẫu số 07	Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Phát thanh truyền hình
Mẫu số 08	Tờ khai đăng ký hoạt động in	Xuất bản, In và Phát hành
Mẫu số 09	Sơ yếu lý lịch (của người đứng đầu cơ sở in)	Xuất bản, In và Phát hành
Mẫu số 10	Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in	Xuất bản, In và Phát hành
Mẫu số 11	Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in	Xuất bản, In và Phát hành
Mẫu số 12	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	Xuất bản, In và Phát hành

**TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: (Cơ quan nhận hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận)

① THÔNG TIN TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN													
Tên tổ chức: Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động số: cấp ngày tại Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:													
② NỘI DUNG YÊU CẦU													
<input type="checkbox"/> Cấp Giấy chứng nhận lần đầu <input type="checkbox"/> Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp: <u>Lý do cấp lại:</u> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị mất <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận													
③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Họ và tên</th> <th style="width: 30%;">Số Thẻ giám định viên</th> <th style="width: 30%;">Chuyên ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>		STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành								
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành										
④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp <input type="checkbox"/> Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức <input type="checkbox"/> Giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi thông tin (nếu yêu cầu cấp lại do thay đổi thông tin) <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)	HỒ SƠ GỒM CÁC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận hồ sơ) <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-top: 20px; text-align: center;"> Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên) </div>												

⑤

CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Làm tại: ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ.....
..... (Cơ quan chuyên môn về văn hóa
thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: /GCNTCGĐ-.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA THUỘC UBND CẤP TỈNH

Căn cứ khoản 2 và khoản 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022 và 2025;

Căn cứ Điều ... Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

CHỨNG NHẬN

Tổ chức:

Tên giao dịch:

QĐTL/ĐKHD số:

cấp ngày:

Tại:

Địa chỉ:

Là Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức:

Danh sách giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan:

STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi:

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại: Website

6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cần sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi:

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại: Website
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được gia hạn:
Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngày tháng ...năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: năm tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TW...)
(SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ
DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA THỂ
THAO TỈNH, THÀNH PHỐ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm....

Số:.../GP-.....

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Cấp lần đầu: ngày tháng năm

Cấp sửa đổi, bổ sung: ngày...tháng...năm...(nếu có)

Cấp lại: ngày... tháng...năm... (nếu có)

Cấp gia hạn: ngày... tháng... năm...(nếu có)

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/ SỞ VĂN HÓA THỂ THAO

Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng năm.... của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố...

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ...

Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);

Theo đề nghị của (Trưởng Phòng... thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố)..

QUYẾT ĐỊNH:

CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:

Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Điện thoại:..... Website.....

2. Tên mạng xã hội (nếu có):

3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:
5. Phương thức cung cấp dịch vụ:
- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
- b) Qua ứng dụngphân phối trên kho ứng dụng...
6. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:
7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:
- a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:
- Họ và tên:.....
- Chức danh:.....
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
- b) Nhân sự quản lý nội dung:
- Họ và tên:.....
- Chức danh:.....
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:

1. (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.
2. Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:

Nơi nhận:

- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ VHTTDL (Cục PTT&TTĐT);
- Thanh tra....
- Giám đốc Sở VH&VHTTDL địa phương;
- Lưu: VT....,

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHƠI ĐIỆN TỬ GI TRÊN MẠNG**

Kính gửi:

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....Điện thoại:Fax: ...

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngày thángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: năm tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TW...)
(SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO TỈNH,
THÀNH PHỐ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

Số:/GP-....

**GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)

Cấp lại ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)

Cấp gia hạn ngày ... tháng ... năm (nếu có)

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA THỂ THAO

Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố...

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ...

Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);

Theo đề nghị của (Trưởng Phòng... thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố)..

**QUYẾT ĐỊNH
CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1
TRÊN MẠNG THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

Điều 1. Thông tin doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:

- Điện thoại: Fax:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:Số điện thoại liên lạc:.....

5. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ:

Điều 2. Doanh nghiệp được cấp giấy phép phát hành trò chơi điện tử GI trên mạng phải thực hiện đúng các quy định tại:

- Nghị định số .../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

- Cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Những điều ghi trong giấy phép này; các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:

Nơi nhận:

- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ VHTTDL (Cục PTT&TTĐT);
- Thanh tra....
- Giám đốc Sở VHTT/VHTTDL địa phương;
- Lưu: VT.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/..... (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ KHAI
Đăng ký hoạt động in**

Kính gửi:¹

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại: Email:
- Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số ngày tháng năm, nơi cấp
- Điện thoại: Email:
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ... ngày... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in²
- Mục đích hoạt động³
- Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

STT	Tên thiết bị (<i>Ghi tiếng Việt và theo công nghệ</i>)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (<i>Số máy</i>)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (<i>chiếc</i>)	Chất lượng (<i>Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư</i>)	Tính năng sử dụng (<i>chế bản, in, gia công sau in</i>)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:
.....⁴

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

² Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa...).

³ Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

⁴ Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.

Ảnh
4 x 6 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(của người đứng đầu cơ sở in)

1. Họ và tên Bí danh:
2. Ngày, tháng, năm sinh: Nam, nữ:
3. Quê quán:
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có):
6. Căn cước công dân: Số ngày tháng năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
7. Dân tộc: Tôn giáo: Quốc tịch:
8. Tình trạng sức khỏe hiện nay:
9. Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:
10. Trình độ chính trị:
11. Chức vụ trong cơ sở in:
12. Tên cơ sở in/chi nhánh:
13. Ngành, nghề kinh doanh về in:

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ¹

...., ngày tháng năm
Người khai ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập.

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY XÁC NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GP-¹

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

.....²

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/...../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh:

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):.....

- Họ tên người đứng đầu:.....

- Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân:.....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Sốngày.... tháng ... năm nơi cấp.....

- Chức vụ:.....

2. Được xác nhận:³

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số, ngày...tháng....năm.....⁴

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

¹ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

² Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

³ Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

⁴ Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG
KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI

Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in

Kính gửi:

I. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐÃ KHAI BÁO²

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại: Email:
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ngày....tháng nơi cấp
- Điện thoại: Email:
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ... ngày.... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in
- Mục đích hoạt động:
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)³

- Tên cơ sở in/chi nhánh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ngày tháng nơi cấp
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có):
- Điện thoại: Email:
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ... ngày.... tháng ... năm nơi cấp hoặc số định danh cá nhân:
- Chức vụ:
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có):
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in:
- Mục đích hoạt động:
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

² Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

³ Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.

TÊN CƠ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên cơ sở (doanh nghiệp) đề nghị cấp giấy phép:.....

Trụ sở:.....

Điện thoại:

E-mail:

Website(nếu có):.....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Sau khi nghiên cứu các quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan, doanh nghiệp chúng tôi đề nghị được cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm để nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài.

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết bảo đảm đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này các tài liệu theo quy định.....⁽²⁾

Đề nghị⁽¹⁾ xem xét, cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

⁽¹⁾ Tên cơ quan cấp phép.

⁽²⁾ Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng cho phù hợp với quy định của Khoản 4 Điều 38 Luật Xuất bản, Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.